



làn ní

烂泥

noun · mud; slush

Example Sentences

lù shàng quán shì làn ní
路上全是烂泥。

The road is all mud.

yǔ hòu yuàn zi liǎo biàn chéng le yī tān làn ní
雨后，院子里变成了一滩烂泥。

After the rain, the yard turned into a pool of mud.

Trace each character, then write the word on your own.

烂	烂	烂	烂	烂	烂	烂	烂	烂	烂	烂
泥	泥	泥	泥	泥	泥	泥	泥	泥	泥	泥